

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về chính sách khuyến khích phát triển ngành mây tre

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 23 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về quy hoạch, chính sách và giải pháp khuyến khích phát triển ngành mây, tre; trách nhiệm của các cấp, các ngành và các tổ chức có liên quan đến tạo vùng nguyên liệu, khai thác nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm hàng mây tre ở Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chính sách này áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức và cá nhân nước ngoài có các hoạt động liên quan đến tạo vùng nguyên liệu, khai thác nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm hàng mây tre.

Điều 3. Mục tiêu

1. Phát triển vùng nguyên liệu mây, tre nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến hàng mây tre và các ngành khác, góp phần tăng độ che phủ và khả năng phòng hộ của rừng, chống xói lở đất tại các vùng đầu nguồn, ven sông, ven suối.

2. Phát triển công nghiệp sản xuất hàng mây tre nhằm từng bước gia tăng giá trị và hiệu quả kinh tế của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng mây tre, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Bảo tồn và phát triển các nghề truyền thống, làng nghề sản xuất hàng mây tre nhằm phát huy các giá trị về kinh tế, văn hóa, sinh thái, môi trường của làng nghề.

4. Thúc đẩy hình thành thị trường hàng mây tre nhằm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

5. Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xây dựng nông thôn mới.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Nguyên liệu mây là sản phẩm được khai thác từ các loài mây, song thuộc các chi Calamus và Daemonorops thuộc họ Cau dừa (Arecaceae) sống trong rừng tự nhiên hoặc được gieo, trồng để sử dụng, chế biến hàng mây tre.

2. Nguyên liệu tre là sản phẩm được khai thác từ các loài tre, nứa, bương, luồng, lồ ô, vầu, tầm vông... thuộc phân họ tre (Bambusoideae), họ Cỏ (Poaceae) sống trong rừng tự nhiên hoặc được gieo, trồng để sản xuất hàng mây tre.

3. Vùng nguyên liệu mây, tre, gồm: vùng nguyên liệu mây, tre tự nhiên thuần loài hoặc hỗn giao với cây gỗ, thuộc rừng phòng hộ và rừng sản xuất; vùng nguyên liệu mây tre trồng trên đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và các loại đất khác.

4. Ngành mây tre là tên gọi chung của ngành nghề sản xuất các loại hàng hóa sử dụng nguyên, vật liệu từ các loài mây, tre bao gồm các hoạt động từ tạo nguyên liệu đến khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm hàng mây tre.

Chương II

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH MÂY TRE

Mục 1

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU MÂY, TRE

Điều 5. Định hướng phát triển vùng nguyên liệu

1. Phát triển vùng nguyên liệu phải gắn với quy hoạch phát triển các cơ sở chế biến sản phẩm hàng mây tre.
2. Phát triển vùng nguyên liệu theo hướng chuyên môn hóa sản xuất.
3. Phát triển vùng nguyên liệu phải đảm bảo tính hiệu quả và bền vững.

Điều 6. Quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu

1. Căn cứ quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu

Quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu mây, tre căn cứ vào vùng sinh thái và phân bố của các loài mây, tre; vùng làng nghề sản xuất hàng mây tre; khả năng phát triển công nghiệp chế biến; điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển ngành mây tre.

2. Nội dung quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu

a) Phát triển vùng nguyên liệu mây, tre tự nhiên

Khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu mây, tre tự nhiên tại các vùng có rừng mây tre thuần loại, rừng hỗn giao các loài mây, tre với các loài cây gỗ thuộc các khu rừng phòng hộ và các khu rừng sản xuất, gồm:

- Rừng do các tổ chức của Nhà nước quản lý (công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ...);
- Rừng chưa giao, chưa cho thuê do Ủy ban nhân dân cấp xã đang chịu trách nhiệm quản lý;
- Rừng Nhà nước đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp;

b) Phát triển vùng trồng nguyên liệu mây, tre

Khuyến khích phát triển trồng nguyên liệu mây, tre tại các vùng sau đây:

- Diện tích đất lâm nghiệp thuộc các trạng thái rừng IA, IB, IC được quy hoạch phát triển rừng sản xuất, rừng phòng hộ; các loại đất chưa sử dụng, đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả, đất không trồng được các cây khác, diện tích đất dọc theo lưu vực sông, suối, vùng đất thường bị xói lở, rửa trôi thuộc quyền quản lý của các tổ chức;

- Diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích nông, lâm nghiệp.

c) Ưu tiên hình thành vùng nguyên liệu mây, tre tập trung chuyên canh có lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội để phục vụ cho sản xuất quy mô lớn; gây trồng mây tre dọc theo các lưu vực sông, suối, các vùng xung yếu, vùng đất thường bị xói lở;

d) Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vùng nguyên liệu mây, tre gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm;

đ) Thực hiện một số mô hình thí điểm xây dựng vùng chuyên canh nguyên liệu tập trung theo các tiêu chí phát triển rừng bền vững để tạo điều kiện thuận lợi trong việc xuất khẩu sản phẩm hàng mây tre.

Điều 7. Xây dựng và phê duyệt quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức xây dựng và phê duyệt quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu mây, tre trên địa bàn.

Mục 2

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT HÀNG MÂY TRE

Điều 8. Định hướng phát triển các cơ sở sản xuất hàng mây tre

1. Ưu tiên phát triển các cơ sở sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung chuyên canh, sử dụng nguồn nguyên liệu phân tán trong dân và sử dụng lao động nông thôn.

2. Phát triển các cơ sở sản xuất hàng mây tre theo hướng chuyên môn hóa kết hợp với phát triển sản xuất tổng hợp. Khuyến khích sản xuất các mặt hàng mây tre, đa dạng hóa các sản phẩm, sử dụng tối đa nguyên liệu từ mây, tre đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu để thay thế sản phẩm bằng gỗ.

3. Ưu tiên phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng mây tre phục vụ xuất khẩu, sản phẩm tre công nghiệp, đồng thời chú trọng hỗ trợ phát triển các cơ sở sản xuất hàng mây tre truyền thống.

4. Khuyến khích các cơ sở sản xuất hàng mây tre thành lập tổ chức khoa học công nghệ hoặc liên doanh với tổ chức, cá nhân để nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng mây tre.

Điều 9. Quy hoạch các cơ sở sản xuất hàng mây tre

1. Khuyến khích các cơ sở sản xuất hàng mây tre vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện có ở các địa phương để tổ chức sản xuất liên hoàn từ khâu sơ chế nguyên liệu đến chế biến và xuất khẩu.

2. Ưu tiên quy hoạch các cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất thành phẩm có giá trị kinh tế cao đối với những địa phương có vùng nguyên liệu tập trung, có truyền thống sản xuất hàng mây tre.

Điều 10. Quy hoạch các làng nghề sản xuất hàng mây tre

1. Nhà nước khuyến khích khôi phục, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, phát huy các giá trị về xã hội, kinh tế, văn hóa, theo hướng sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

2. Nhà nước hỗ trợ đầu tư phát triển các làng nghề mới ở những nơi có điều kiện về nguyên liệu, lao động, thị trường.

Điều 11. Xây dựng và phê duyệt quy hoạch phát triển các cơ sở sản xuất hàng mây tre

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng, phê duyệt quy hoạch phát triển các cơ sở sản xuất hàng mây tre trên địa bàn tỉnh.

Chương III

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NGÀNH MÂY TRE

Điều 12. Về đất đai

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, dành quỹ đất cho phát triển vùng nguyên liệu, cơ sở chế biến công nghiệp và làng nghề sản xuất hàng mây tre.